

Panasonic

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ MULTI-SPLIT 2021/2022



LƯỚI LỌC KHÁNG KHUẨN | **INVERTER**










QUALITY AIR FOR LIFE
Khí sạch, sống chất

A Better Life, A Better World

Hệ thống Điều hòa Multi-Split

Hệ thống điều hòa multi-split của Panasonic được thiết kế để tiết kiệm không gian lắp đặt dàn nóng. Phiên bản thay thế gọn gàng hơn để duy trì hình dáng bên ngoài của tòa nhà như chung cư, nhà ở đơn tầng và đa tầng.



	Loại	Tính năng	1.6kW	2.0kW
HAI CHIỀU R32	Treo tường	  LƯỚI LỌC KHÁNG KHUẨN	 CS-MRZ16WKH-8	 CS-MRZ20WKH-8
	Âm trần nối ống gió dạng mỏng			
	Âm trần mini cassette 4 hướng thổi			
MỘT CHIỀU R410A	Treo tường	  LƯỚI LỌC KHÁNG KHUẨN		
	Âm trần nối ống gió dạng mỏng			

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tính năng Nổi bật

- Lọc Khí **04**
- Hiệu suất Lọc **05**
- Lưu lượng gió **06 - 07**
- Giải pháp điều khiển thông minh **08**
- Độ bền **09**
- Lắp đặt & Dịch vụ hỗ trợ **10 - 11**


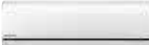
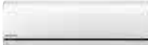







Thông tin Sản phẩm

- Ưu điểm của Hệ thống Điều hòa Không khí Multi-Split **12**
- Hệ thống Điều hòa Không khí Multi-Split hai chiều R32 **13 - 17**
- Hệ thống Điều hòa Không khí Multi-Split một chiều R410 **18 - 19**

Công suất

2.5kW	3.5kW	4.2kW	5.0kW	6.0kW	7.1kW
 CS-MRZ25WKH-8	 CS-MRZ35WKH-8	 CS-MRZ42WKH-8	 CS-MRZ50WKH-8	 CS-MRZ60WKH-8	 CS-MRZ71WKH-8
 CS-MZ25WD3H8A	 CS-MZ35WD3H8A		 CS-MZ50WD3H8A	 CS-MZ60WD3H8A	
 CS-MZ25WB4H8A	 CS-MZ35WB4H8A		 CS-MZ50WB4H8A	 CS-MZ60WB4H8A	

Công suất

2.8kW	3.2kW	4.0kW	5.0kW	6.0kW	7.0kW
 CS-MPS9SKH	 CS-MPS12SKH	 CS-MPS15SKH	 CS-MPS18SKH	 CS-MPS24SKH	 CS-MPS28SKH
 CS-MS9SD3H	 CS-MS12SD3H		 CS-MS18SD3H	 CS-MS24SD3H	

LƯỚI LỌC KHÁNG KHUẨN

Lọc Khí

Lưới lọc kháng khuẩn hiệu quả trong việc ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn, vi rút, chất gây dị ứng và nấm mốc đem đến bầu không khí trong sạch tới những người thân của bạn.



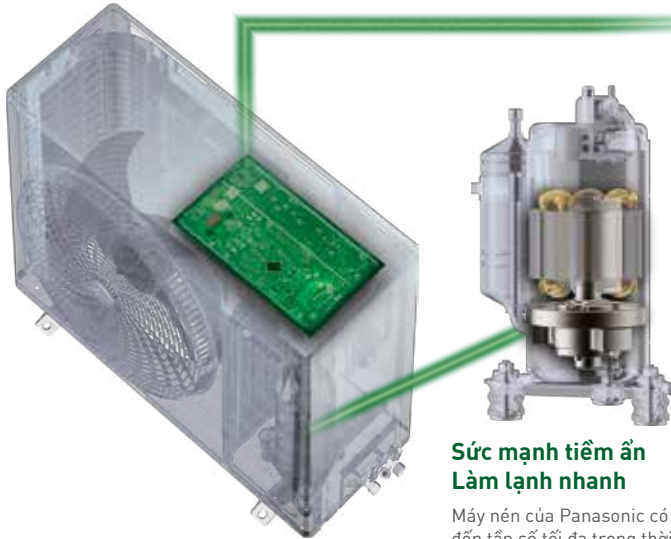
Độ hiệu quả	Chất được chọn và Tên chất	Cơ chế hoạt động
<p>VÔ HIỆU HÓA TỚI 99% các loại vi khuẩn bị giữ lại ở lưới lọc*</p>	<p>Ngăn ngừa vi khuẩn</p> <p><small>* Chức năng kháng khuẩn được chứng nhận bởi Viện Đánh giá Chất lượng Boken. Báo cáo thử nghiệm số: 10042459-1 và 10042459-2 Loại vi khuẩn: Staphylococcus aureus NBRC 12732; Escherichia coli NBRC 3972</small></p>	<p>Enzyme Nhân tạo</p> <p>Thành tế bào bị bao phủ bởi Enzyme Nhân tạo</p> <p>Vi khuẩn bị vô hiệu hóa bằng cách ngăn chặn chúng phát triển.</p> <p><small>Ghi chú: Hình ảnh ở trên không phải kết cấu của chất được sử dụng. Hình ảnh được vẽ mang tính chất minh họa.</small></p>
<p>VÔ HIỆU HÓA TỚI 99% các loại vi rút bị giữ lại ở lưới lọc**</p>	<p>Ngăn ngừa vi rút</p> <p><small>** Chức năng vô hiệu hóa vi rút được chứng nhận bởi Viện Công nghệ tinh Osaka. Báo cáo thử nghiệm số: 313360397 Vi rút: Influenza (H3N2) A/Hồng Kông</small></p>	<p>Chất khử trùng</p> <p>Màng gai sẽ bị bao phủ bởi Chất khử trùng</p> <p>Vi rút bị vô hiệu hóa bởi "hiệu ứng thuốc da" khiến chúng trở nên vô hại.</p> <p><small>Ghi chú: Hình ảnh ở trên không phải kết cấu của chất được sử dụng. Hình ảnh được vẽ mang tính chất minh họa.</small></p>
<p>VÔ HIỆU HÓA TỚI 99% các chất gây dị ứng bị giữ lại ở lưới lọc**</p>	<p>Ngăn ngừa chất gây dị ứng</p> <p><small>** Chức năng vô hiệu hóa chất gây dị ứng được chứng nhận bởi Đại học Shinshu. Chất gây dị ứng: Cider Pollen Allergen Cry j1</small></p>	<p>Enzyme Nhân tạo</p> <p>Chất gây dị ứng mất đặc tính hoặc đặc điểm gốc</p> <p>Chất gây dị ứng "Bị biến tính" sẽ mất đi đặc tính gốc; do đó, trở thành vô hại.</p> <p><small>Khi chất gây dị ứng bị biến tính, chuỗi axit amin bị tách ra thành từng phần do đó bị biến đổi hình dạng. Bằng cách này, chất gây dị ứng sẽ mất đi đặc tính hoặc đặc điểm gốc, do đó chúng trở nên vô hại.</small></p> <p><small>Ghi chú: Hình ảnh ở trên không phải kết cấu của chất được sử dụng. Hình ảnh được vẽ mang tính chất minh họa.</small></p>
<p>NGĂN NẤM MỐC PHÁT TRIỂN**</p>	<p>Ngăn ngừa nấm mốc</p> <p><small>** Chứng nhận bởi Viện Đánh giá Chất lượng Boken. Báo cáo thử nghiệm số: 000366-3 Loại nấm mốc: Aspergillus niger ATCC 6275</small></p>	<p>Nấm mốc sẽ bị giữ lại ở lưới lọc. Thuốc diệt nấm sẽ bám vào lớp protein của nấm mốc. Thuốc diệt nấm ngăn nấm mốc phát triển bằng cách ngăn chặn thành phần thành tế bào.</p> <p><small>Ghi chú: Hình ảnh ở trên không phải kết cấu của chất được sử dụng. Hình ảnh được vẽ mang tính chất minh họa.</small></p>

*Có thể áp dụng với CS-MR216/20/25/35/42/50/60/71WKH-8 và CS-MPS9/12/15/18/24/28SKH



Tiết kiệm năng lượng và Kiểm soát nhiệt độ chính xác

Công nghệ biến tần của Panasonic giảm điện năng tiêu thụ bằng cách thay đổi tốc độ của máy nén theo sự thay đổi nhiệt độ nhằm giảm thiểu biến động nhiệt độ giúp bạn tận hưởng sự thoải mái nhất định khi làm lạnh.



Sức mạnh tiềm ẩn Làm lạnh nhanh

Máy nén của Panasonic có thể đạt đến tần số tối đa trong thời gian ngắn nhất khi khởi động, mang lại cho bạn khả năng làm lạnh tức thời ngay lúc bật máy.



Phần "Lõi" của Bộ biến tần - Mạch tính siêu nhỏ

Xác định chế độ vận hành thích hợp nhất qua thời gian và tự động điều chỉnh công suất đầu ra để tạo sự thoải mái tối đa.



PAM (Điều chế biên độ xung)

Tăng nhanh điện áp máy nén để đem lại khả năng làm lạnh tức thời nhằm nhanh chóng đạt được mức nhiệt độ đã cài đặt khi khởi động.



PWM (Điều chế độ rộng xung)

Ổn định tốc độ quay của máy nén khi duy trì mức nhiệt độ cài đặt.

R32
REFRIGERANT

Môi chất lạnh thân thiện với môi trường



Công suất làm lạnh của R32 cao hơn, do đó tăng hiệu suất truyền nhiệt.



Sử dụng ít điện năng hơn, giúp bạn tiết kiệm chi phí điện.



R32 không ảnh hưởng đến tầng ozone, vì vậy rất thân thiện với môi trường.

Đặc tính môi chất lạnh của R32, R410A, và R22

	R32	R410A	R-22
Thành phần	Một thành phần	Hai thành phần	Một thành phần
Công thức hóa học	CH ₂ F ₂	CH ₂ F ₂ / CHF ₂ CF ₃	CHClF ₂
Nhiệt độ sôi (°C)	-51.7	-51.5	-40.8
Chỉ số tác động phá hủy tầng ozone (ODP)	0	0	0.055
Chỉ số nóng lên toàn cầu (GWP)	675	2090	1810
Áp suất	1.6 x	1.6 x	1x
Nhớt lạnh	Dầu tổng hợp (FW50S)	Dầu tổng hợp (FV50S)	Dầu khoáng
Độc tính	Không	Không	Không
Khả năng cháy	Loại A2L Dễ cháy	Loại A1 không bắt lửa	Loại A1 không bắt lửa

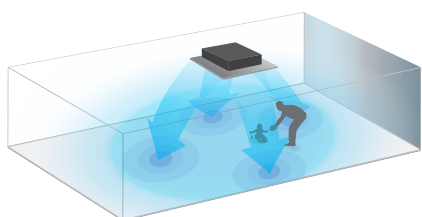
*Chỉ áp dụng với HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ MULTI_SPLIT HAI CHIỀU R32.

Làm lạnh thoải mái với luồng gió nhanh hơn, xa hơn

Giải pháp làm lạnh của Panasonic cung cấp luồng gió lý tưởng đem đến không gian sống thoải mái cho gia đình.

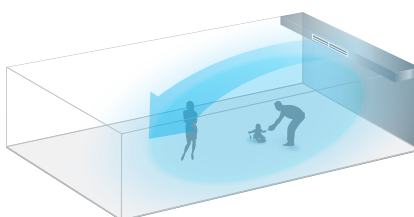


Loại điều hòa



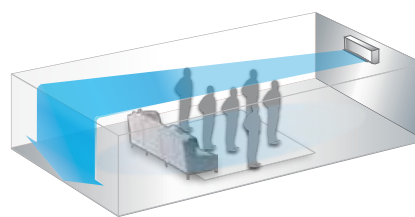
Dàn lạnh âm trần mini cassette 4 hướng thổi

Luồng gió thổi 4 hướng sẽ được phân bố đều



Dàn lạnh âm trần nổi ống gió dạng mỏng

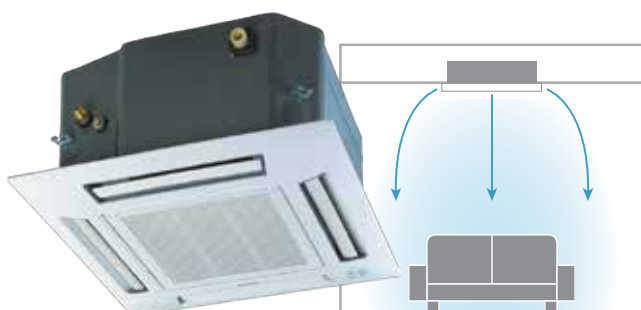
Chỉnh hướng gió lạnh về phía trần nhà



Dàn lạnh treo tường

Gió lạnh lan tỏa khắp phòng nhằm tăng diện tích làm lạnh

Dàn lạnh mini cassette 4 hướng thổi

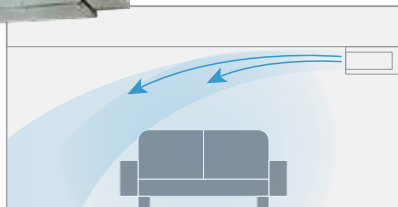


Cánh đảo gió 4 hướng phân bố gió dễ chịu trải rộng khắp phòng

Luồng gió ở giữa được thổi xa hơn và gió từ bốn phía của cánh quạt trải rộng khắp phòng mang lại sự thoải mái toàn diện khi làm lạnh.



Dàn lạnh âm trần nổi ống gió dạng mỏng



Luồng gió lạnh hướng vào trần nhà

Điều hòa âm trần nổi ống gió dạng mỏng điều hướng gió lạnh về phía trần nhà với phạm vi rộng. Gió lạnh thổi nhẹ tạo sự tự nhiên, sảng khoái.



Dàn lạnh treo tường



Dòng MRZ



Dòng MPS



Chế độ Fast Cooling và Shower Cooling

Ngay khi bật điều hòa, luồng gió trực tiếp mạnh mẽ sẽ làm lạnh tức thời, hoàn hảo khi bạn trở về nhà sau một ngày nóng nực. Cánh đảo gió có thể điều chỉnh hướng lên để thổi đều gió lạnh khắp phòng nhằm tránh việc làm lạnh trực tiếp.



Chế độ Fast Cooling*1

Cánh đảo gió chuyển hướng gió xuống để làm lạnh nhanh hơn



Chế độ Shower Cooling*1

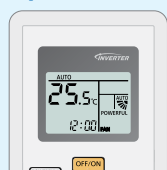
Cánh quạt chuyển hướng gió lên trên qua một khu vực rộng hơn sau đó thổi gió xuống nhẹ và đều khắp phòng.

*1 Thiết kế cánh đảo gió có thể khác nhau tùy thuộc vào kiểu máy.

Tận hưởng Chế độ Làm lạnh nhanh hơn Chỉ với một Nút nhấn

Chế độ POWERFUL sẽ khởi động quạt dàn lạnh với tốc độ cao nhất, giúp bạn tận hưởng khả năng làm lạnh tức thời.

Chế độ POWERFUL*2



Nhấn **POWERFUL/ECO** một lần để mở Chế độ POWERFUL

POWERFUL Làm lạnh tức thời khi bật máy

Chế độ POWERFUL làm lạnh phòng của bạn nhanh hơn ngay khi bật máy điều hòa.



*2 Chỉ áp dụng với CS-MRZ16/20/25/35/42/50/60/71WKH-8.

GIẢI PHÁP ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH

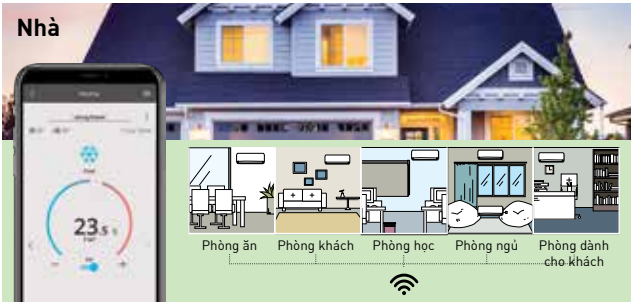
Giải pháp kiểm soát đồng nhất

Ứng dụng **Comfort Cloud** của **Panasonic** cho phép bạn quản lý một cách thuận tiện và giám sát nhiều máy điều hòa cho gia đình chỉ với 1 thiết bị di động.



Kiểm soát Thông minh

Kiểm soát nhiều điều hòa ở 1 địa điểm

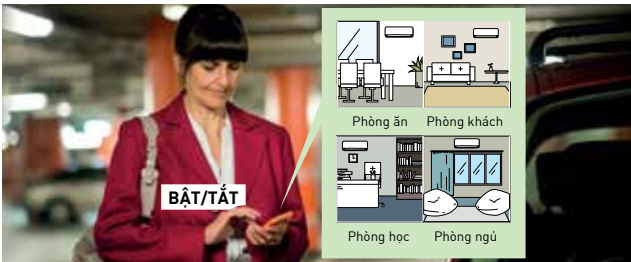


Kiểm soát điều hòa ở nhiều địa điểm



Tiện ích Thông minh

Truy cập từ xa tất cả tính năng của điều hòa

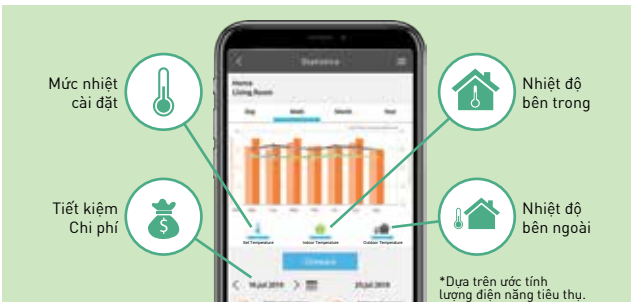


Không gian được làm lạnh trước

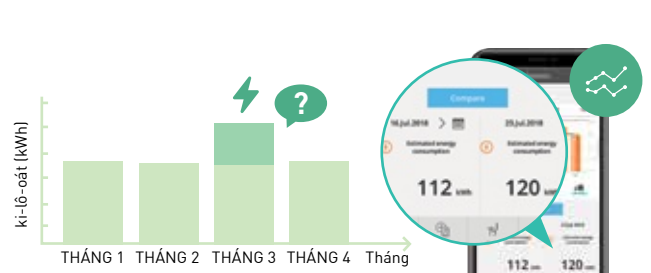


Hiệu suất Thông minh

Phân tích xu hướng sử dụng điện năng

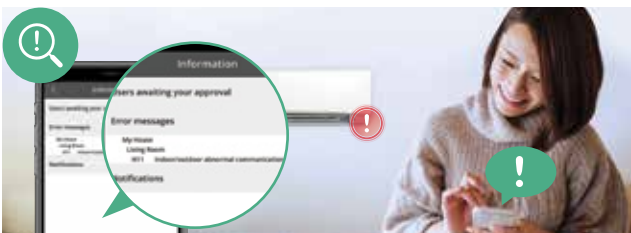


So sánh lịch sử sử dụng để lập kế hoạch ngân sách tốt hơn



Trợ lý Thông minh

Khắc phục sự cố dễ dàng



Chỉ định người dùng khác khi bạn đi vắng



Thiết bị tương thích và Trình duyệt

1. iOS 9.0 hoặc cao hơn

2. Hệ điều hành Android™ 5.0 Lollipop hoặc Mới hơn

* Mạng điều khiển từ xa không dây LAN với kết nối internet cần có bộ chuyển mạng tùy chỉnh.

* Hiện thị nhiệt độ phòng và một vài chức năng khác không khả dụng trong Ứng dụng với tất cả các kiểu máy.



Lưu ý: Đây không phải là danh sách chính xác của tất cả thiết bị tương thích, các thiết bị tương tự khác sử dụng Hệ thống hỗ trợ Vận hành cũng hoạt động thông qua Ứng dụng chuyên dụng. Xin lưu ý rằng trải nghiệm của người dùng có thể khác biệt đôi chút tùy thuộc vào tổ hợp phần cứng và phần mềm.

Dàn nóng với độ bền cao chống ăn mòn

Dàn nóng của Panasonic có độ bền cao trong thời gian dài dưới nhiều loại thời tiết nhằm đạt được hiệu suất tối ưu.

Phạm vi hoạt động*

Chiều lạnh: **-10°C ~ +46°C**

Chiều sưởi: **-15°C ~ +24°C**



Cánh tản nhiệt xanh



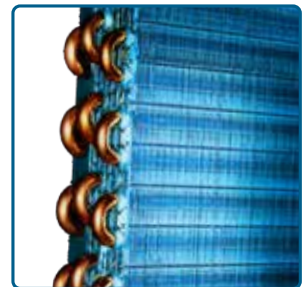
- Cải thiện độ bền
- Bảo vệ tụ điện không bị ăn mòn bởi không khí, nước và chất ăn mòn khác
- Chống gỉ



Dàn trao đổi nhiệt bằng đồng

COPPER TUBE CONDENSER

- Truyền tải nhiệt tốt
- Hiệu suất làm lạnh cao hơn
- Dễ dàng bảo trì và làm sạch



Dàn nóng được sơn phủ chống ăn mòn

- Dàn nóng được phủ nhiều lớp sơn bảo vệ
- Chống gió biển và tiếp xúc với mưa
- Chống ăn mòn



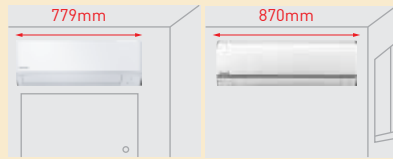
Bộ mạch chống thấm nước

- Các bộ phận tiếp xúc trên bảng mạch điện tử (Bộ mạch) được làm bằng nhựa
- Chống hư hỏng do tiếp xúc ngoài ý muốn với nước



Thiết kế hệ thống linh hoạt

Panasonic cung cấp nhiều loại dàn lạnh và dàn nóng phù hợp với nội thất và ngoại thất của bạn.



Thiết kế nhỏ gọn hoàn hảo cho mọi vị trí

Điều hòa treo tường với kích thước nhỏ gọn cho phép lắp đặt dễ dàng với mọi loại nội thất trên cửa, sát trần nhà hoặc sát tường.



Mỏng và nhỏ gọn, thiết bị chiếm ít không gian trên trần nhà

Chiều cao 200mm của dàn lạnh âm trần nổi ống gió dạng mỏng cho phép lắp đặt trên trần hẹp.



Thiết kế Phẳng theo chiều ngang mang lại sự gọn gàng cho trần nhà

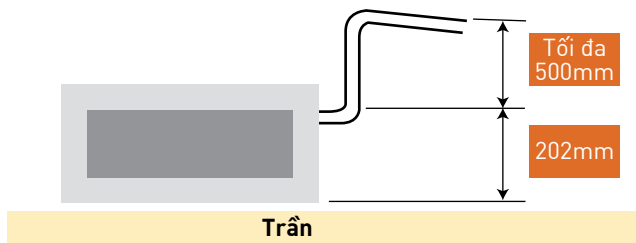
Thiết kế phẳng theo chiều ngang của mặt nạ dàn lạnh âm trần mini cassette 4 hướng thổi với chiều cao 30mm tính từ trần nhà có thể kết hợp tự nhiên với đa dạng kiểu mẫu nội thất.



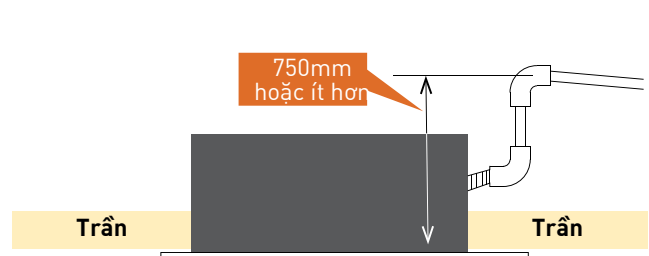
Tích hợp bơm nước ngưng

Dàn lạnh tích hợp bơm nước ngưng với ống thoát nước có thể kéo dài đến 702mm (Loại âm trần nổi ống gió dạng mỏng) hoặc 750mm (Loại âm trần mini cassette) tính từ đế của dàn lạnh.

Loại âm trần nổi ống gió dạng mỏng



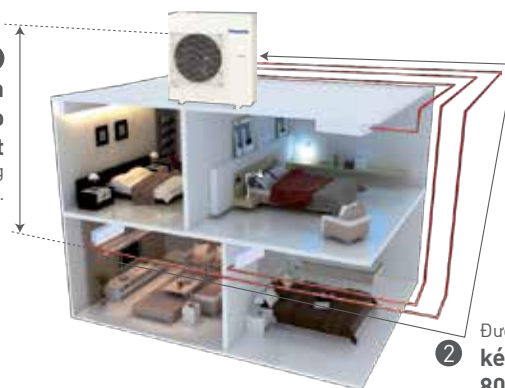
Loại âm trần mini cassette



Chiều dài ống dài tối đa 80 mét

Bố trí và lắp đặt dàn lạnh và dàn nóng linh hoạt dựa trên điều kiện phòng ở, vị trí và sự thuận tiện của căn nhà

1 Chênh lệch độ cao tối đa 15 mét giữa dàn nóng và dàn lạnh.



2 Đường ống có thể kéo dài đến 80 mét*1.

*1 Chỉ áp dụng với CU-5Z100WBH-8.

Dễ dàng Lắp đặt và Bảo dưỡng

Điều hòa Panasonic được thiết kế với kích thước nhỏ gọn, tối giản với bề mặt trơn bóng, giúp dễ dàng lắp đặt và hài hòa với mọi kiểu nội thất. Thiết kế độc đáo tăng cường độ bền và thuận tiện trong việc lắp đặt và bảo dưỡng. Giải thưởng Thiết kế Tốt nhất 2020 chứng nhận thành tựu trong cân bằng giữa thiết kế và tính năng vì lợi ích của cộng đồng quốc tế*2.



Tháo dễ dàng

Khóa trượt dễ sử dụng



Dễ dàng khóa và mở khóa lưới tản nhiệt phía trước.

Lưới tản nhiệt đơn



Dễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng khi tháo dỡ hoặc lắp ráp.

Các bước tháo rời bo mạch (PCB) đơn giản



Tháo nắp bảng điều khiển.



Ngắt kết nối tất cả đầu nối.



Bo mạch chính rời. Thiết kế không bắt vít giúp dễ dàng tháo bo mạch.

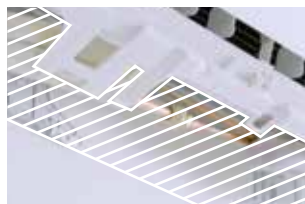
Dễ dàng thao tác

Giá đỡ gắn tường



Giá đỡ gắn tường giúp lắp đặt dàn lạnh sát tường dễ dàng.

Khoang chứa đường ống



Khoang đường ống lớn hơn 180mm cải thiện hiệu suất lắp đặt và bảo dưỡng.

Dễ dàng tiếp cận với ống thoát nước và ống đồng



Không gian làm việc rộng hơn giúp bạn quan sát dễ dàng và ra vào thuận tiện để lắp đặt ống thoát nước và đường ống.

Dễ dàng đấu nối dây



Ổ cắm đơn với lỗ cắm rộng cho phép quan sát mặt trước và dễ dàng đấu nối dây.

Lắp đặt gọn gàng

Giá đỡ bền hơn



Giá đỡ bền và chắc chắn mang lại sự ổn định để hỗ trợ dàn lạnh tốt hơn.

Giá đỡ bắt vít cho các bề mặt không phẳng



Đảm bảo dàn lạnh gắn sát tường.

*2 Chỉ áp dụng với CS-MRZ16/20/25/35/42/50WKH-8.

Tại sao lựa chọn Hệ thống Điều hòa Multi-Split của Panasonic



Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ phù hợp với mọi công trình

Hệ thống multi-split mang lại sự linh hoạt trong quá trình lắp đặt và tiết kiệm không gian cho chung cư bị hạn chế không gian trống.



Đa dạng sản phẩm với Hệ thống Multi-split

Hoàn toàn linh hoạt với dòng sản phẩm multi-split công suất tiêu thụ từ 1.6kW tới 7.1kW dành cho loại 5 dàn lạnh cùng 1 dàn nóng.

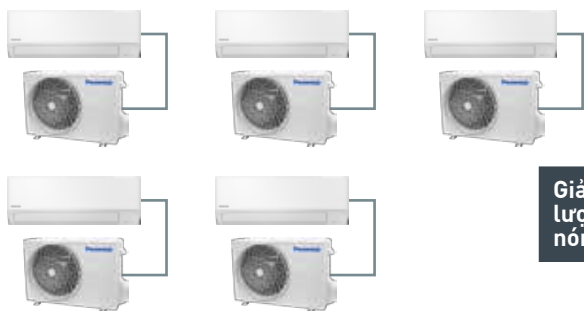
Tiết kiệm không gian

Tiết kiệm không gian Lắp đặt với ít dàn nóng hơn

Vì 1 dàn nóng có thể kết nối với tối đa 5 dàn lạnh, cho phép điều chỉnh linh hoạt phù hợp với bố cục ngôi nhà.

Dòng Single-Split

1 Dàn nóng kết nối với 1 Dàn lạnh



Dòng Multi Split

1 Dàn nóng kết nối với tối đa 5 Dàn lạnh

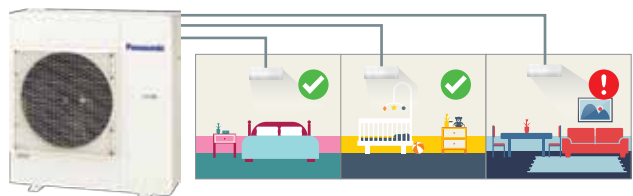


Giảm số lượng dàn nóng

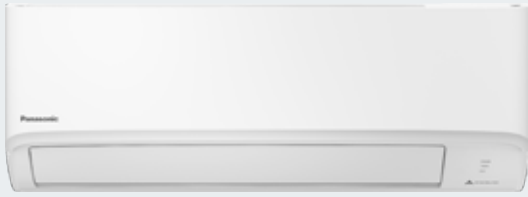
Kiểm soát hoạt động độc lập

Dàn nóng kết nối độc lập với từng Dàn lạnh

Cho phép điều chỉnh cài đặt hoạt động riêng cho từng dàn lạnh. Nếu một dàn lạnh bị lỗi, các dàn lạnh khác có thể tiếp tục làm lạnh các phòng.



Dàn lạnh treo tường



CS-MRZ16WKH-8 (1.6kW) / CS-MRZ20WKH-8 (2.0kW) /
CS-MRZ25WKH-8 (2.5kW) / CS-MRZ35WKH-8 (3.5kW) /
CS-MRZ42WKH-8 (4.2kW) / CS-MRZ50WKH-8 (5.0kW)*1



Bộ điều khiển
không dây kèm sản
phẩm



CZ-RD514C Điều
khiển có dây
(Không bắt buộc)



CZ-TACG1
Bộ chuyển
mạng*
(Không bắt
buộc)



CS-MRZ60WKH-8 (6.0kW)*2 / CS-MRZ71WKH-8 (7.1kW)*2 *3



LƯỚI LỌC KHÁNG KHUẨN

Tính năng

CS-MRZ16WKH-8* CS-MRZ20WKH-8* CS-MRZ25WKH-8* CS-MRZ35WKH-8* CS-MRZ42WKH-8* CS-MRZ50WKH-8*	CS-MRZ16WKH-8* CS-MRZ20WKH-8* CS-MRZ25WKH-8* CS-MRZ35WKH-8* CS-MRZ42WKH-8* CS-MRZ50WKH-8*	CS-MRZ16WKH-8* CS-MRZ20WKH-8* CS-MRZ25WKH-8* CS-MRZ35WKH-8* CS-MRZ42WKH-8* CS-MRZ50WKH-8*	CS-MRZ16WKH-8* CS-MRZ20WKH-8* CS-MRZ25WKH-8* CS-MRZ35WKH-8* CS-MRZ42WKH-8* CS-MRZ50WKH-8*
CS-MRZ16WKH-8 CS-MRZ71WKH-8	(Không bắt buộc)		
	(Ngủ nhiên)		
		(Không bắt buộc)	

Dàn lạnh âm trần nổi ống gió dạng mỏng



CS-MZ25WD3H8A (2.5kW) / CS-MZ35WD3H8A (3.5kW) /
CS-MZ50WD3H8A (5.0kW)*1 / CS-MZ60WD3H8A (6.0kW)*2



Bộ Điều khiển
có dây kèm
sản phẩm



CZ-TACG1
Bộ chuyển
mạng*
(Không bắt
buộc)

CZ-RL511D
Bộ thiết bị không dây tùy chọn

Bộ điều
khiển
không
dây

Bộ nhận tín hiệu
không dây



Tính năng

CS-MZ25WD3H8A CS-MZ35WD3H8A CS-MZ50WD3H8A CS-MZ60WD3H8A	CS-MZ25WD3H8A CS-MZ35WD3H8A CS-MZ50WD3H8A CS-MZ60WD3H8A	CS-MZ25WD3H8A CS-MZ35WD3H8A CS-MZ50WD3H8A CS-MZ60WD3H8A	CS-MZ25WD3H8A CS-MZ35WD3H8A CS-MZ50WD3H8A CS-MZ60WD3H8A
	(Không bắt buộc)		
	(Ngủ nhiên)		
		(Không bắt buộc)	

Dàn lạnh âm trần mini cassette 4 hướng thổi



Mặt nạ CZ-BT20EW

CS-MZ25WB4H8A (2.5kW) / CS-MZ35WB4H8A (3.5kW) /
CS-MZ50WB4H8A (5.0kW)*1 / CS-MZ60WB4H8A (6.0kW)*2



Bộ điều khiển
không dây kèm
sản phẩm



CZ-RD52CP Điều
khiển có dây
(Không bắt buộc)



CZ-TACG1
Bộ chuyển
mạng*
(Không bắt
buộc)



Tính năng

CS-MZ25WB4H8A CS-MZ35WB4H8A CS-MZ50WB4H8A CS-MZ60WB4H8A	CS-MZ25WB4H8A CS-MZ35WB4H8A CS-MZ50WB4H8A CS-MZ60WB4H8A	CS-MZ25WB4H8A CS-MZ35WB4H8A CS-MZ50WB4H8A CS-MZ60WB4H8A	CS-MZ25WB4H8A CS-MZ35WB4H8A CS-MZ50WB4H8A CS-MZ60WB4H8A
	(Không bắt buộc)		
	(Ngủ nhiên)		
		(Không bắt buộc)	

* Mạng điều khiển từ xa không dây LAN với kết nối internet cần có bộ chuyển mạng tùy chỉnh. Hiển thị nhiệt độ phòng và một vài chức năng khác không khả dụng trong Ứng dụng với tất cả các kiểu máy.
*1 CZ-MA1P được sử dụng để giảm kích thước đầu nối của dàn lạnh từ 1/2" xuống 3/8".
*2 CZ-MA2P được sử dụng để tăng kích thước đầu nối của dàn nóng từ 3/8" lên 1/2".
*3 CZ-MA3P được sử dụng để giảm kích thước đầu nối của dàn lạnh từ 5/8" xuống 1/2".

Kết nối giữa Dàn nóng và Dàn lạnh

	Kiểu máy	Dàn lạnh: Cách thức kết nối khả thi (Phải trong phạm vi công suất)	Dàn lạnh có thể kết nối tối đa kW	Cách thức kết nối dàn lạnh			
				Công suất (kW loại)	Điều hòa treo tường	Điều hòa âm trần nội ống gió dạng mỏng	Điều hòa âm trần cassette 4 hướng Mini
Tối đa 2 phòng	CU-2Z52 WBH-8  5,2kW Công A: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 *Một trong số các loại sau Công B: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 *Một trong số các loại sau Kích thước (H x W x D): 619 x 824 (+70) x 299 mm / Trọng lượng: 39 kg * Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh	7.7kW	1.6	•			
			2.0	•			
			2.5	•	•	•	
			3.5	•	•	•	
			4.2	•			
			5.0	•	•	•	
Tối đa 3 phòng	CU-3Z54WBH-8  5,4kW Công A: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 *Một trong số các loại sau Công B: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 *Một trong số các loại sau Công C: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 *Một trong số các loại sau Kích thước (H x W x D): 795 x 875 (+95) x 320 mm / Trọng lượng: 71 kg * Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh	9.5kW	1.6	•			
			2.0	•			
			2.5	•	•	•	
			3.5	•	•	•	
			4.2	•			
			5.0	•	•	•	
Tối đa 4 phòng	CU-4Z71WBH-8  7,1kW Công A: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 *Một trong số các loại sau Công B: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 *Một trong số các loại sau Công C: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 *Một trong số các loại sau Công D: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 *Một trong số các loại sau Kích thước (H x W x D): 795 x 875 (+95) x 320 mm / Trọng lượng: 72 kg * Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh	11.5kW	1.6	•			
			2.0	•			
			2.5	•			
			3.5	•			
			4.2	•			
			5.0	•			
			6.0	•			

Dàn nóng



Tối đa 2 phòng
CU-2Z52WBH-8





Tối đa 3 phòng
CU-3Z54WBH-8



Tối đa 4 phòng
CU-4Z71WBH-8



Kết nối giữa Dàn nóng và Dàn lạnh

Kiểu máy	Dàn lạnh: Cách thức kết nối khả thi (Phải trong phạm vi công suất)	Dàn lạnh có thể kết nối tối đa kW	Cách thức kết nối dàn lạnh			
			Công suất (kW loại)	Điều hòa treo tường	Điều hòa âm trần nổi ống gió dạng móng	Điều hòa âm trần cassette 4 hướng Mini
Tối đa 4 phòng  8,0kW	CU-4Z80WBH-8 Cổng A: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng B: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng C: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng D: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Kích thước (H x W x D): 999 x 940 x 340 mm / Trọng lượng: 80 kg * Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh	14.7 kW	1.6	•		
			2.0	•		
			2.5	•	•	•
			3.5	•	•	•
			4.2	•		
			5.0	•	•	•
			6.0	•	•	•
			7.1	•		
Tối đa 5 phòng  10,0kW	CU-5Z100WBH-8 Cổng A: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng B: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng C: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng D: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Cổng E: 1,6 hoặc 2,0 hoặc 2,5 hoặc 3,5 hoặc 4,2 hoặc 5,0 hoặc 6,0 hoặc 7,1 *Một trong số các loại sau Kích thước (H x W x D): 999 x 940 x 340 mm / Trọng lượng: 81 kg * Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh	18.3 kW	1.6	•		
			2.0	•		
			2.5	•	•	•
			3.5	•	•	•
			4.2	•		
			5.0	•	•	•
			6.0	•	•	•
			7.1	•		

Phụ kiện		
 CZ-MA1P *1 CZ-MA1P được sử dụng để giảm kích thước dây nối của dàn lạnh từ 1/2" xuống 3/8".	 CZ-MA2P *2 CZ-MA2P được sử dụng để tăng kích thước đầu nối của dàn nóng từ 3/8" lên 1/2".	 CZ-MA3P *3 CZ-MA3P được sử dụng để giảm kích thước đầu nối của dàn lạnh từ 5/8" xuống 1/2".

Dàn nóng



Tối đa 4 phòng
CU-4Z80WBH-8



Tối đa 5 phòng
CU-5Z100WBH-8



Dàn lạnh

Làm lạnh
Sưởi ấm

Model		DÀN LẠNH TREO TƯỜNG							
		CS-MRZ16WKH-8	CS-MRZ20WKH-8	CS-MRZ25WKH-8	CS-MRZ35WKH-8	CS-MRZ42WKH-8	CS-MRZ50WKH-8	CS-MRZ60WKH-8	CS-MRZ71WKH-8
Công suất	Làm lạnh	1.6	2.0	2.5	3.5	4.2	5.0	6.0	7.1
	Sưởi ấm	2.6	3.2	3.6	4.5	5.0	5.3	8.5	8.7
	Làm lạnh	5,460	6,820	8,530	11,900	14,300	17,100	20,500	24,200
	Sưởi ấm	8,870	10,900	12,300	15,300	17,100	18,100	29,000	29,700
Nguồn điện		Một pha, 220V - 240V, 50Hz							
Độ ồn	Làm lạnh	41 / 27	42 / 27	42 / 27	46 / 28	46 / 33	46 / 36	48 / 38	51 / 39
	Sưởi ấm	41 / 29	42 / 29	42 / 29	46 / 31	46 / 35	46 / 35	48 / 38	51 / 39
Lưu lượng gió (H)	Làm lạnh	11.0 [390]	11.3 [400]	11.0 [390]	11.6 [410]	11.6 [410]	12.8 [455]	21.2 [750]	23.1 [815]
	Sưởi ấm	11.6 [410]	11.9 [420]	12.0 [425]	12.1 [430]	12.1 [430]	13.5 [475]	21.2 [750]	23.7 [835]
Kích thước	Chiều cao	290	290	290	290	290	290	302	302
	Chiều rộng	779	779	779	779	779	779	1,102	1,102
	Chiều sâu	209	209	209	209	209	209	244	244
Trọng lượng thực		8	8	8	8	8	8	13	13
Đường kính ống Môi chất lạnh	Ống chất lỏng	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35
	Ống hơi	Ø 9.52	Ø 9.52	Ø 9.52	Ø 9.52	Ø 9.52 ¹	Ø 9.52 ¹	Ø 12.70 ²	Ø 12.70 ^{2,3}
Nguồn cấp điện		Dàn nóng							

Model		DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG				DÀN LẠNH ÂM TRẦN MINI CASSETTE 4 HƯỚNG THỐI			
		CS-MZ25WD3H8A	CS-MZ35WD3H8A	CS-MZ50WD3H8A	CS-MZ60WD3H8A	CS-MZ25WB4H8A	CS-MZ35WB4H8A	CS-MZ50WB4H8A	CS-MZ60WB4H8A
Công suất	Làm lạnh	2.5	3.5	5.0	6.0	2.5	3.5	5.0	6.0
	Sưởi ấm	3.6	4.5	5.3	8.5	3.6	4.5	5.3	8.5
	Làm lạnh	8,530	11,900	17,100	20,500	8,530	11,900	17,100	20,500
	Sưởi ấm	12,300	15,300	18,100	29,000	12,300	15,300	18,100	29,000
Nguồn điện		Một pha, 220V - 240V, 50Hz							
Độ ồn	Làm lạnh	35 / 29	35 / 28	41 / 31	43 / 32	36 / 27	36 / 28	40 / 30	45 / 34
	Sưởi ấm	36 / 29	37 / 29	41 / 32	43 / 34	37 / 30	39 / 30	41 / 31	47 / 34
Lưu lượng gió (H)	Làm lạnh	10.5 [370]	11.2 [395]	15.3 [540]	15.7 [555]	10.5 [370]	10.5 [370]	11.5 [405]	14.2 [500]
	Sưởi ấm	10.8 [380]	11.2 [395]	15.3 [540]	15.7 [555]	10.8 [380]	11.7 [415]	11.8 [415]	15.2 [535]
Kích thước	Chiều cao	200	200	200	200	260	260	260	260
	Chiều rộng	750	750	750	750	575	575	575	575
	Chiều sâu	640	640	640	640	575	575	575	575
Trọng lượng thực		19	19	19	19	18	18	18	18
Đường kính ống Môi chất lạnh	Ống chất lỏng	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35	Ø 6.35
	Ống ga	Ø 9.52	Ø 9.52	Ø 9.52 ¹	Ø 12.70 ²	Ø 9.52	Ø 9.52	Ø 9.52 ¹	Ø 12.70 ²
Nguồn cấp điện		Dàn nóng							

^{*1} CZ-MA1P được sử dụng để giảm kích thước đầu nối của dàn lạnh từ 1/2" xuống 3/8".

^{*2} CZ-MA2P được sử dụng để tăng kích thước đầu nối của dàn nóng từ 3/8" lên 1/2".

^{*3} CZ-MA3P được sử dụng để giảm kích thước đầu nối của dàn lạnh từ 5/8" xuống 1/2".


Dàn nóng

Làm lạnh
Sưởi ấm

Model			CU-2Z52WBH-8	CU-3Z54WBH-8	CU-4Z71WBH-8	CU-4Z80WBH-8	CU-5Z100WBH-8
Công suất làm lạnh	(tối thiểu - tối đa)	kW	5.20 (1.50 - 6.00)	5.40 (1.80 - 7.30)	7.10 (1.90 - 8.80)	8.00 (2.30 - 9.20)	10.00 (2.30 - 11.50)
	(tối thiểu - tối đa)	Btu/h	17,700 (5,120 - 20,500)	18,400 (6,140 - 24,900)	24,200 (6,480 - 30,000)	27,300 (7,840 - 31,400)	34,100 (7,840 - 39,200)
Nguồn điện			Single Phase 220 - 240V, 50Hz				
Công suất kết nối tối đa		kW	7.7	9.5	11.5	14.7	18.3
Dàn lạnh có thể kết nối Tối đa		Số lượng	2	3	4	4	5
Thông số dòng điện	Dòng điện	A	6.4 - 5.9	5.4 - 5.1	7.9 - 7.4	9.7 - 8.9	12.8 - 11.8
	Công suất điện	W	1,350 (250 - 1,620)	1,120 (360 - 2,180)	1,660 (340 - 2,470)	1,980 (420 - 2,870)	2,600 (430 - 3,590)
EER	(tối thiểu - tối đa)	W/W	3.85 (6.00 - 3.70)	4.82 (5.00 - 3.35)	4.28 (5.59 - 3.56)	4.04 (5.48 - 3.21)	3.85 (5.35 - 3.20)
	(tối thiểu - tối đa)	Btu/hW	13.14 (20.47 - 12.62)	16.45 (17.06 - 11.43)	14.60 (19.07 - 12.15)	13.78 (18.70 - 10.95)	13.14 (18.25 - 10.92)
Độ ồn [H]	Độ ồn áp suất	dB(A)	51	48	49	51	53
Công suất Sưởi	(tối thiểu - tối đa)	kW	6.10 (1.10-7.20)	7.00 (1.60-9.00)	8.50 (3.00-10.70)	9.40 (3.00-11.60)	12.00 (3.40-14.50)
	(tối thiểu - tối đa)	Btu/h	20,800(3,750-24,600)	23,900(5,460-30,700)	29,000(10,200-36,500)	32,100(10,200-39,600)	40,900(11,600-49,400)
Thông số dòng điện	Dòng điện	A	6.7 - 6.2	7.3 - 6.8	9.2 - 8.6	10.2 - 9.3	13.1 - 12.1
	Nguồn điện đầu vào	W	1,430 (210 - 1,900)	1,540 (320 - 2,630)	1,950 (500 - 2,720)	2,030 (500 - 3,420)	2,760 (580 - 4,020)
COP	(tối thiểu - tối đa)	W/W	4.27 (5.24 - 3.79)	4.55 (5.00 - 3.42)	4.36 (6.00 - 3.93)	4.63 (6.00 - 3.39)	4.35 (5.86 - 3.61)
	(tối thiểu - tối đa)	Btu/hW	14.57 (17.88 - 12.93)	15.52 (17.06 - 11.67)	14.88 (20.47 - 13.41)	15.80 (20.47 - 11.57)	14.87 (19.99 - 12.32)
Độ ồn [H]	Mức áp suất độ ồn	dB(A)	53	49	51	52	56
Dòng điện tối đa		A	11.5	15.2	15.6	19.0	21.3
Dòng điện khởi động		A	6.7	7.3	9.2	10.2	13.1
Công suất máy nén		W	900	1300	1300	1700	1700
Kích thước	Chiều cao	mm	619	795	795	999	999
	Chiều rộng	mm	824 (+70)	875 (+95)	875 (+95)	940	940
	Chiều sâu	mm	299	320	320	340	340
Trọng lượng thực		kg	39	71	72	80	81
Đường kính ống Môi chất lạnh	Ống chất lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52
Kích thước ống hơi **	Chiều dài ống nối	m	20	30	30	45	45
	Chiều dài ống nối	1 phòng (m)	20	25	25	25	25
		Tổng (m)	30	50	60	70	80
Độ cao tối đa		m	10	15	15	15	15
Môi chất lạnh bổ sung		g/m	15	20	20	20	20
Phạm vi hoạt động	Làm lạnh	(°C)	-10 ~ +46	-10 ~ +46	-10 ~ +46	-10 ~ +46	-10 ~ +46
	Sưởi ấm	(°C)	-15 ~ +24	-15 ~ +24	-15 ~ +24	-15 ~ +24	-15 ~ +24

** Khi đường ống chưa kéo dài đến độ dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong dàn lạnh.


Kết nối giữa Dàn nóng và Dàn lạnh

Models	CU-2S18SKH	Dàn lạnh: Các model có thể kết hợp (Phải nằm trong phạm vi cho phép)
2 phòng		Nhánh A 2.8 hoặc 3.2 Nhánh B 2.8 hoặc 3.2


- Có thể kết nối các model dàn lạnh treo tường (MPS9, 12SKH) và âm trần mỏng (CS-MS9, 12SD3H) với dàn nóng (CU-2S18SKH)
- Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh.

Models	CU-3S27SBH	Dàn lạnh: Các model có thể kết hợp (Phải nằm trong phạm vi cho phép)
3 phòng		Nhánh A 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 Nhánh B 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 Nhánh C 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0


- Có thể kết nối các model dàn lạnh treo tường (MPS9, 12, 15, 18SKH) và âm trần mỏng (CS-MS9, 12, 18SD3H) với dàn nóng (CU-3S27SBH)
- Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh.

Models	CU-3S28SBH	Dàn lạnh: Các model có thể kết hợp (Phải nằm trong phạm vi cho phép)
3 phòng		Nhánh A 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 Nhánh B 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 Nhánh C 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0

- Có thể kết nối các model dàn lạnh treo tường (MPS9, 12, 15, 18, 24SKH) và âm trần mỏng (CS-MS9, 12, 18, 24SD3H) với dàn nóng (CU-3S28SBH)
- Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh.

Models	CU-4S27SBH	Dàn lạnh: Các model có thể kết hợp (Phải nằm trong phạm vi cho phép)
4 phòng		Nhánh A 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 Nhánh B 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 Nhánh C 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 Nhánh D 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0

- Có thể kết nối các model dàn lạnh treo tường (MPS9, 12, 15, 18SKH) và âm trần mỏng (CS-MS9, 12, 18SD3H) với dàn nóng (CU-4S27SBH)
- Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh.

Models	CU-4S34SBH	Dàn lạnh: Các model có thể kết hợp (Phải nằm trong phạm vi cho phép)
4 phòng		Nhánh A 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 hoặc 7.0 Nhánh B 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 hoặc 7.0 Nhánh C 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 hoặc 7.0 Nhánh D 2.8 hoặc 3.2 hoặc 4.0 hoặc 5.0 hoặc 6.0 hoặc 7.0

- Có thể kết nối các model dàn lạnh treo tường (MPS9, 12, 15, 18SKH) và âm trần mỏng (CS-MS9, 12, 18SD3H) với dàn nóng (CU-4S34SBH)
- Phải kết nối tối thiểu 2 dàn lạnh.

Dàn lạnh (treo tường)

Model		CS-MPS9SKH	CS-MPS12SKH	CS-MPS15SKH	CS-MPS18SKH	CS-MPS24SKH	CS-MPS28SKH
Hoạt động		1 dàn	1 dàn	1 dàn	1 dàn	1 dàn	1 dàn
Công suất lạnh	Btu/h	9,550	10,900	13,600	17,100	20,500	23,900
	kW	2.80	3.20	4.00	5.00	6.00	7.00
Điện áp	V	220 - 240	220 - 240	220 - 240	220 - 240	220 - 240	220 - 240
Độ ồn (cao/thấp)	(dB-A)	40/29	44/32	45/32	47/38	48/39	48/39
Khử ẩm	L/H	1.6	1.8	2.3	2.7	3.3	3.9
Lưu lượng gió (dàn lạnh/cao)	m ³ /phút	10.1	10.9	11.2	18.1	18.5	19.0
	L/H	335	385	395	640	655	670
Công suất quạt	W	24	24	24	40	40	40
Kích thước	Cao mm	290	290	290	290	290	290
	Rộng mm	870	870	870	1 070	1,070	1,070
	Sâu mm	214	214	214	240	240	240
Khối lượng	kg	9	9	9	12	12	12
Đường kính ống đồng	Ống lỏng mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
	Ống hơi mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.7	ø 12.7
Vị trí cấp nguồn		Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng

Dàn lạnh (âm trần mỏng)

Model		CS-MS9SD3H	CS-MS12SD3H	CS-MS18SD3H	CS-MS24SD3H
Hoạt động		1 dàn	1 dàn	1 dàn	1 dàn
Công suất lạnh	Btu/h	9,550	10,900	17,100	20,500
	kW	2.80	3.20	5.00	6.00
Điện áp	V	220 - 240	220 - 240	220 - 240	220 - 240
Độ ồn (cao/thấp)	(dB-A)	35 / 28	35 / 28	41 / 30	41 / 30
Lưu lượng gió (dàn lạnh/cao)	m ³ /phút	13.2	13.2	15.5	15.5
	cfm	465	465	545	545
Kích thước	Cao mm	200	200	200	200
	Rộng mm	750	750	750	750
	Sâu mm	640	640	640	640
Khối lượng	kg	19	19	19	19
Đường kính ống đồng	Ống lỏng mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
	Ống hơi mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52
Vị trí cấp nguồn		Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng

Dàn nóng

Model		KẾT NỐI 2 DÀN LẠNH		KẾT NỐI 3 DÀN LẠNH		KẾT NỐI 4 DÀN LẠNH	
		CU-2S18SKH	CU-3S27SBH	CU-3S28SBH	CU-4S27SBH	CU-4S34SBH	
Công suất lạnh	Btu/h (Min - Max)	17,100(5,12 - 20,500)	25,600(9,550 - 30,700)	25,600(9,550 - 30,700)	25,600(9,550 - 27,300)	34,100(9,890 - 37,500)	
	kW (Min - Max)	5.00(1.50 - 6.00)	7.50(2.80-8.00)	7.50(2.80-9.00)	7.50(2.80-8.00)	10.0(2.90-11.00)	
EER	Btu/h/W	11.96	12.43	12.43	12.43	12.18	
	ww	3.50	3.64	3.64	3.64	3.57	
Thông số điện	Điện áp v	220 - 240	220 - 240	220 - 240	220 - 240	6	
	Dòng điện A	6.8 - 6.2	10.2 - 9.4	10.1 - 9.2	10.2 - 9.4	13.5 - 12.4	
	Công suất điện W (Min - Max)	1,430 (250 - 1,780)	2,060 (520 - 2,650)	2,060 (520 - 2,830)	2,060 (520 - 2,530)	2,800 (560 - 3,460)	
Độ ồn cao	(dB-A)	50	49	49	49	52	
Dòng cực đại	A	12.0	15.2	15.2	15.2	21.3	
Dòng khởi động	A	6.8	10.2	10.1	10.2	13.5	
Công suất máy nén	W	900	1,300	1,300	1,300	1,700	
Công suất quạt	W	40	44	60	44	90	
Kích thước	Cao mm	619	695	795	695	999	
	Rộng mm	824 (+70)	875 (+95)	875 (+95)	875 (+95)	940	
	Sâu mm	299	320	320	320	340	
Khối lượng	kg	37	57	68	57	76	
Chiều dài ống đồng	Chiều dài tiêu chuẩn m	20	30	30	35	45	
	Chiều dài tối đa	1 phòng	20	25	25	25	
		Tổng	30	60	60	60	
	Chênh lệch độ cao tối đa m	10	15	15	15	15	
Nạp gas bổ xung	g/m	15	20	20	20	20	

* Khi đường ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn thì không cần nạp gas bổ xung.

Panasonic®

- Vui lòng đọc kỹ Hướng dẫn trước khi lắp đặt, và Hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng thiết bị.
- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Nội dung của catalogue này chính xác kể từ tháng 12 năm 2020
- Màu sắc sản phẩm có thể sai khác đôi chút so với hình ảnh do quá trình in ấn.
- Tất cả hình ảnh đưa ra chỉ mang tính chất minh họa



Không được thêm hoặc thay thế môi chất lạnh nào khác ngoài loại đã được chỉ định. Nhà sản xuất sẽ không chịu trách nhiệm về thiệt hại hoặc suy giảm mức độ an toàn do sử dụng môi chất lạnh khác.

Đại lý được ủy quyền



TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG - TƯ VẤN MIỄN PHÍ CÁC DỊCH VỤ

Hỗ Trợ Trước và Sau Mua Hàng • Tư Vấn, Hướng Dẫn Sử Dụng Sản Phẩm •
Giải Quyết Các Thắc Mắc, Khiếu Nại của Khách Hàng
hoặc (024) 3767 7360

Từ 8h15 - 17h30 Thứ 2 đến Chủ Nhật

www.panasonic.com/vn



www.facebook.com/PanasonicVietnam



Giải pháp Sưởi ấm và Làm lạnh của Panasonic

Global site : aircon.panasonic.com

PRO Club : panasonicproclub.global



[airconpanasonicglobal](https://www.youtube.com/airconpanasonicglobal)